



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3447.1968>

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở PHƯỜNG TAM HIỆP, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Huỳnh Mộng Tuyền^{1*}, Trần Thị Hoàng Lan² và Vũ Trần Diễm Châu²

¹Khoa Giáo dục chính trị và Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: huynhmongtuyen010@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 10/6/2026; Ngày duyệt đăng: 23/6/2026

Tóm tắt

Bài báo tập trung khảo sát thực trạng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp qua 173 khách thể ở 6 trường trung học cơ sở phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá thực trạng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp về mục tiêu, nội dung, phương thức, phương tiện và kiểm tra, đánh giá. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là quan sát, phỏng vấn, điều tra bằng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 độ, thống kê tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn để đánh giá thực trạng. Theo kết quả khảo sát, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được quan tâm triển khai khá đồng bộ, chủ yếu đạt mức khá. Tuy nhiên, kết quả đạt thấp ở năng lực thiết kế, tổ chức hoạt động, phương thức công hiến và phương thức nghiên cứu chưa sử dụng có hiệu quả. Học liệu chưa đồng bộ, công tác phản hồi và tạo động lực sau đánh giá chưa được chú trọng. Thực trạng nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng cho đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

Từ khóa: Học sinh trung học cơ sở, hướng nghiệp, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai, thực trạng hoạt động trải nghiệm.

Trích dẫn: Huỳnh, M. T., Trần, T. H. L., & Vũ, T. D. C. (2026). Thực trạng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 64-72. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3447.1968>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT EXPERIENTIAL AND CAREER GUIDANCE ACTIVITIES IN LOWER SECONDARY SCHOOLS IN TAM HIEP WARD, DONG NAI CITY

Huynh Mong Tuyen^{1*}, Tran Thi Hoang Lan², and Vu Tran Diem Chau²

*¹Faculty of Political Education and Educational Management,
School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²Postgraduate Student, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author, Email: huynhmongtuyen010@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2026; Received in revised form: 10/6/2026; Accepted: 23/6/2026

Abstract

This article investigates current experiential and career guidance activities in six lower secondary schools in Tam Hiep Ward, Dong Nai City, involving 173 participants. The study evaluates these activities in terms of their objectives, content, implementation methods, resources, and assessment practices. Data were collected through observations, interviews, and a five-point Likert-scale questionnaire. Descriptive statistical analyses, including mean scores and standard deviations, were employed to examine the current situation. The findings indicate that experiential and career guidance activities have been implemented relatively systematically with considerable attention and achieved a fairly good level of performance. However, limitations remain in teachers' capacity to design and organize activities, while community service and research-oriented activities have not been implemented effectively. In addition, instructional materials are not adequately aligned, and insufficient attention has been paid to feedback provision and student motivation following assessment. These findings provide an important basis for proposing measures to improve the quality of experiential and career guidance activities for lower secondary school students in Tam Hiep Ward, Dong Nai City.

Keywords: *Dong Nai city, experiential and career guidance activities, lower secondary school students, Tam Hiep ward.*

1. Giới thiệu

Học tập trải nghiệm là xu hướng giữ vai trò then chốt, đột phá cho đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục hiện đại. Dewey (1998) cho rằng giáo dục phải gắn với trải nghiệm thực tiễn để người học “học qua hành động”. Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) là hoạt động giáo dục bắt buộc, giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh (HS) đặc biệt là năng lực khám phá bản thân, định hướng nghề nghiệp và thích ứng với đời sống xã hội hiện đại. Nghiên cứu của Trần (2024), HĐTN, HN còn góp phần phát triển năng lực cảm xúc - xã hội, kỹ năng giao tiếp và hợp tác cho học sinh trung học cơ sở. Theo Lê & cs. (2015) cũng khẳng định việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo giúp HS phát triển tư duy giải quyết vấn đề và năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Theo nghiên cứu của Huỳnh (2019), HĐTN có sức mạnh tác động giáo dục phát triển toàn diện, tối ưu nhân cách người học, đặc biệt là năng lực thực tiễn, học qua trải nghiệm có ý nghĩa giáo dục cao nhất. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025) chỉ đạo thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai (2025) nhấn mạnh việc triển khai Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp trung học cơ sở (THCS) phải bảo đảm chất lượng, đạt mục tiêu chương trình và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chỉ đạt hiệu quả giáo dục cao khi được quản lý hiệu quả (Huỳnh & Trần, 2025).

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai HĐTN, HN ở các trường THCS hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn và bất cập. Theo nghiên cứu của Lê (2022), việc tổ chức hoạt động trải nghiệm tại nhiều trường THCS còn mang tính hình thức, chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn của học sinh và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương; nội dung hoạt động còn thiếu đa dạng, cơ sở vật chất và kinh phí tổ chức còn hạn chế. Một bộ phận giáo viên còn lúng túng trong việc thiết kế và tổ chức hoạt động theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Theo kết quả nghiên cứu của Bùi (2023) cho biết, việc tổ chức các hoạt động trên còn gặp nhiều lúng túng, khó khăn... nhận thức của một bộ phận giáo viên, học sinh và phụ huynh chưa thông. Đối với các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai, việc triển khai HĐTN, HN thực hiện khá tốt nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định về nội dung, hình thức tổ chức, điều kiện cơ sở vật chất và kiểm tra, đánh giá. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần nghiên cứu thực trạng, thiết lập những luận cứ thực tiễn vững chắc cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả HĐTN, HN ở các trường THCS phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai có ý nghĩa khoa học sâu sắc trong giai đoạn hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là quan sát thực tế, điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn. Khách thể phỏng vấn là CBQL 01, 02, 03 và GV 01, 02, 03; HS 01, 02, 03.

- Khách thể khảo sát 173 người, trong đó: 33 CBQL; 80 GV; 60 HS.

- Địa bàn khảo sát: 6 trường THCS trên địa bàn phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai: trường THCS Tân Tiến, trường THCS Lê Quang Định, trường THCS Bình Đa, trường THCS Tam Hiệp, trường THCS Lê Lợi, trường THCS Tam Hòa.

- Cách thức xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê toán học và phần mềm Microsoft Office Excel. Sử dụng thang đo Likert, khoảng cách (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8.

Tính điểm trung bình (ĐTB) theo 5 mức độ: Mức 5 (tốt, rất thường xuyên): từ 4,21-

5,00; Mức 4 (khá, khá thường xuyên): Từ 3,41-4,20; Mức 3 (trung bình, thỉnh thoảng): Từ 2,61-3,40; Mức 2 (Yếu/ hiếm khi): Từ 1,81- 2,60; Mức 1 (Kém, rất hiếm khi): Từ 1,0 đến 1,8.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu HĐTN, HN ở các trường THCS ở phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai

Mục tiêu là yếu tố định hướng HĐTN, HN đạt kết quả như mong muốn. Một kế hoạch quản lý hiệu quả trước hết phải xác định rõ mục tiêu cần đạt (Koontz & Weihrich, 2010). Vì vậy, việc khảo sát thực trạng mục tiêu của HĐTN, HN vô cùng quan trọng. Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Mức độ thực hiện mục tiêu của HĐTN, HN ở các trường THCS

Mục tiêu	CBQL		GV		HS	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Hình thành và phát triển các phẩm chất nhân cách	4,06	0,80	4,01	0,70	4,15	0,61
Năng lực thích ứng với cuộc sống	3,79	0,62	3,70	0,53	3,98	0,70
Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động	3,21	0,59	3,18	0,68	3,88	0,85
Năng lực định hướng nghề nghiệp	3,12	0,67	3,20	0,63	3,80	0,90
ĐTB chung	3,55		3,52		3,95	

Nhìn tổng thể, mức độ thực hiện các mục tiêu của HĐTN, HN đã được quan tâm thực hiện. ĐTB chung của các nhóm đều đạt ở mức khá, trong đó nhóm HS đánh giá cao nhất với ĐTB chung đạt 3,95; tiếp theo là CBQL đạt 3,55 và GV đạt 3,52. ĐLC đều dưới 1 chứng tỏ các ý kiến đánh giá các mục tiêu đều tập trung, có sự đồng thuận khá cao trong đánh giá, tin cậy.

Mục tiêu được cả ba nhóm khách thể đánh giá cao nhất là “Hình thành và phát triển các phẩm chất nhân cách”. ĐTB của HS đạt 4,15, CBQL đạt 4,06 và GV đạt 4,01. Chứng tỏ các trường rất chú trọng giáo dục các phẩm chất nhân cách cho HS qua HĐTN,HN. Mục tiêu “Năng lực thích ứng với cuộc sống” đạt thứ hạng hai ở cả ba nhóm khảo sát. HS đánh giá đạt ĐTB 3,98, CBQL đạt 3,79 và GV đạt 3,70. Điều này phản ánh HĐTN, HN đã tổ chức trải nghiệm giáo dục các kỹ năng sống để HS thích ứng tốt với môi trường sống và học tập. Đây là những năng lực cần thiết giúp HS phát triển toàn diện trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Bên cạnh đó, “Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động” chỉ ở mức trung bình (CBQL là 3,21 và GV là 3,18). HS đánh giá ở mức khá (3,88). Mặc dù có sự chênh lệch giữa các kênh đánh giá (do kinh nghiệm, vốn sống của HS, chuyên môn của GV, CBQL) nhưng sự chênh lệch này không quá lớn vẫn đảm bảo tin cậy. Đặc biệt, mục tiêu “Năng lực định hướng nghề nghiệp” có ĐTB thấp nhất ở cả ba nhóm khách thể khảo sát: CBQL là 3,12, GV là 3,20 và HS là 3,80. Điều này phản ánh thực hiện giáo dục hướng nghiệp trong các trường THCS hiện nay vẫn còn hạn chế. Theo ý kiến trả lời phỏng vấn của CBQL 01 và GV 01 là do năng lực GV chưa đào tạo chuyên sâu, điều kiện hạn chế nên chủ yếu tổ chức cho HS học lý thuyết, ít trải nghiệm thực tiễn, khó khăn trong phối hợp các lực lượng giáo dục...

Từ kết quả phân tích trên có thể thấy rằng, các trường THCS đã thực hiện khá tốt các mục tiêu HĐTN, HN. Tuy nhiên, các mục tiêu liên quan đến năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động và định hướng nghề nghiệp vẫn còn hạn chế, cần được tăng cường quản lý đổi mới nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

3.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai

Theo Nguyễn & cs. (2010), nội dung giáo dục chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi bảo đảm tính toàn diện, phù hợp với nhu cầu phát triển của người học và đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội. Vì vậy, việc khảo sát thực trạng nội dung HĐTN, HN có ý nghĩa quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Kết quả nghiên cứu thực trạng này được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Mức độ thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở

Nội dung	CBQL		GV		HS	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Hoạt động hướng vào bản thân	4,12	0,77	4,03	0,72	4,22	0,53
Hoạt động hướng đến xã hội	3,06	0,66	3,11	0,70	3,58	0,61
Hoạt động hướng đến tự nhiên	3,67	0,54	3,44	0,65	3,95	0,75
Hoạt động hướng nghiệp	3,21	0,70	3,13	0,60	3,77	0,85
ĐTB chung	3,52		3,43		3,88	

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy ý kiến HS có mức đánh giá cao nhất với ĐTB chung của HS là 3,88; CBQL với ĐTB 3,52 và GV đạt 3,43. Điều này phần nào cho thấy nội dung HĐTN, HN đã được triển khai thực hiện đạt mức khá. “Hoạt động hướng vào bản thân”: HS khám phá, trải nghiệm phát triển bản thân được cả ba nhóm khách thể đánh giá cao nhất. ĐTB ý kiến HS là 4,22, CBQL là 4,12 và GV là 4,03. “Hoạt động hướng đến tự nhiên” cũng được đánh giá ở mức khá cao với ĐTB của HS là 3,95, CBQL là 3,67 và GV là 3,44. Nội dung “Hoạt động hướng nghiệp” đạt mức điểm trung bình khá ở nhóm lực lượng sư phạm với ĐTB của CBQL là 3,21, GV đạt 3,13 và HS đạt 3,77.

Riêng hai nội dung còn lại có sự phân hóa và chênh lệch rõ rệt giữa các nhóm đối tượng. Đối với “Hoạt động hướng đến xã hội”, trong khi HS đánh giá mức khá (ĐTB 3,58) thì đây lại là nội dung bị CBQL đánh giá thấp nhất bằng với ĐTB chỉ đạt 3,06 (GV đạt 3,11). Sự chênh lệch này cho thấy học sinh dễ thỏa mãn khi được tham gia các khâu bề nổi (như phong trào, hoạt động tập thể công cộng) nên tự tin đánh giá cao. Trong khi đó, CBQL nhìn nhận dưới góc độ chuyên môn khắt khe nên thấy rõ hiệu quả gắn kết cộng đồng thực chất còn hạn chế. Theo ý kiến phỏng vấn của HS 01, 02 được biết hoạt động xã hội có nhiều lý thú, bổ ích nhưng phần lớn tụi em làm theo kịch bản, sự hướng dẫn, chứ chưa thật sự tự chủ, tích cực, độc lập thực hiện. Đối với “Hoạt động hướng nghiệp”, đây lại là nội dung có mức đánh giá thấp từ phía GV với ĐTB là 3,13, CBQL đạt 3,21 và HS đạt 3,77. Theo ý kiến trả lời của GV 02: Do giáo viên kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên sâu về tâm lý hướng nghiệp và thị trường lao động, dẫn đến nội dung này khi triển khai còn nặng tính lý thuyết, chưa đáp ứng được yêu cầu tư vấn chuyên sâu cho HS.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy nội dung HĐTN, HN ở các trường THCS đã bước đầu đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện HS, đặc biệt ở các hoạt động hướng vào bản thân và hướng đến tự nhiên. Tuy nhiên, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động giáo dục

hướng nghiệp vẫn còn là nội dung hạn chế nhất dưới góc nhìn giáo dục và quản lý giáo dục, cần được tăng cường đổi mới hình thức tổ chức, đi vào chiều sâu trải nghiệm và mở rộng sự phối hợp với các lực lượng giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả nội dung giáo dục này cho HS.

3.3. Thực trạng sử dụng phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai

Để triển khai nội dung HĐTĐN, HN, phương thức tổ chức giữ vai trò vô cùng quan trọng trong tạo nên chất lượng, hiệu quả giáo dục. Thực trạng vấn đề này được khảo sát và trình bày kết quả ở Bảng 3.

Bảng 3. Mức độ sử dụng các phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở

Nội dung	CBQL		GV		HS	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Phương thức khám phá	3,27	0,73	3,41	0,52	4,08	0,57
Phương thức thể nghiệm, tương tác	3,55	0,62	3,63	0,49	4,02	0,67
Phương thức công hiến	2,76	0,47	3,01	0,68	3,83	0,89
Phương thức nghiên cứu	2,61	0,54	3,15	0,64	3,28	1,11
ĐTB chung	3,05		3,30		3,80	

Theo số liệu thống kê Bảng 3, các phương thức tổ chức HĐTĐN, HN ở các trường THCS được đánh giá ở mức trung bình đối với CBQL đạt 3,05, GV đạt 3,30 và đạt mức khá với HS là 3,80. ĐLC đa số dưới 1, chứng tỏ ý kiến đánh giá của các khách thể khảo sát khá tập trung, tin cậy. Nhìn tổng thể, thực trạng phương thức chưa sử dụng phát huy đúng vai trò, sứ mệnh của chúng trong thực hiện mục tiêu HĐTĐN, HN.

Trong các phương thức tổ chức, “Phương thức thể nghiệm, tương tác” được CBQL và GV đánh giá cao nhất với ĐTB lần lượt là 3,55 và 3,63; còn HS đánh giá cao nhất ở “Phương thức khám phá” với ĐTB đạt 4,08. Kết quả này cho thấy nhà trường đã chú trọng tổ chức các HĐTĐN thực tế, giao tiếp và khám phá nhằm tăng hứng thú học tập cho HS. Riêng “Phương thức công hiến” và “Phương thức nghiên cứu” có mức đánh giá thấp hơn, với ĐTB của CBQL lần lượt là 2,76 và 2,61. Tuy nhiên kết quả này dưới góc nhìn HS có phần cao hơn: ĐTB là 3,83 và 3,28. ĐLC của HS ở phương thức nghiên cứu khá cao (ĐLC = 1,11) phản ánh sự phân tán các ý kiến khảo sát, tuy nhiên sự hơn 1 không quá lớn. Theo ý kiến phỏng vấn của GV 03 được biết: Học sinh học nhiều môn, nghiên cứu là khó với các em. Điều kiện nghiên cứu hạn chế, GV chưa được đào tạo, tập huấn chuyên sâu về tổ chức hoạt động nghiên cứu trong HĐTĐN, HN. Điều này cho thấy các hoạt động mang tính nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng hoặc giải quyết vấn đề thực tiễn còn chưa được tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Thực tế này cho thấy các trường vẫn còn hạn chế trong việc phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực nghiên cứu của HS thông qua HĐTĐN, HN rất cần đổi mới, nâng cao.

3.4. Thực trạng các điều kiện và phương tiện tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai

Phương pháp chỉ phát huy hiệu quả khi đủ điều kiện, phương tiện thực hiện. Kết quả khảo sát thực trạng phương tiện tổ chức HĐTĐN, HN được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Mức độ các điều kiện và phương tiện tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở

Nội dung	CBQL		GV		HS	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Cơ sở vật chất và không gian tổ chức hoạt động	3,88	0,70	3,81	0,61	3,82	0,81
Học liệu và tài liệu HĐTN, HN	3,12	0,45	3,20	0,67	3,75	0,82
Phương tiện, đồ dùng HĐTN, HN	3,52	0,47	3,16	0,58	3,60	1,01
Công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện	3,41	0,54	3,65	0,52	3,48	0,98
ĐTB chung	3,48		3,46		3,66	

Nhìn tổng thể, điều kiện, phương tiện cho tổ chức HĐTN, HN hiện nay được đánh giá ở mức khá với ĐTB chung của HS 3,66; CBQL đạt 3,48 và GV đạt 3,46. Điều này cho thấy các trường đã quan tâm đầu tư điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN, HN. Về “Cơ sở vật chất và không gian tổ chức hoạt động” được đánh giá cao nhất ở tất cả khách thể khảo sát: CBQL là 3,88; GV là 3,81 và HS là 3,82. Kết quả này phần nào cho thấy các trường THCS phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai đã chú trọng đầu tư sân bãi, phòng chức năng và không gian trải nghiệm cho HS. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ trong tổ chức HĐTN, HN ngày càng được quan tâm thực hiện, cũng đạt mức khá. Bên cạnh đó, “Học liệu và tài liệu trải nghiệm, hướng nghiệp” có mức đánh giá đạt mức trung bình (CBQL là 3,12 và GV là 3,20). Đến đây phần nào lý giải được tại sao mục tiêu, nội dung này đạt kết quả thấp nhất trong 2 bảng khảo sát trên. Cùng với đó, phương tiện, đồ dùng cho HĐTN, HN còn hạn chế thiếu thốn, chưa thật sự đồng bộ, ĐLC của HS còn cao (ĐLC = 1,01), phản ánh sự khác biệt trong điều kiện tiếp cận phương tiện giữa các trường. Nhìn chung, phương tiện phục vụ HĐTN, HN đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn cần tiếp tục bổ sung và hiện đại hóa để nâng cao hiệu quả tổ chức

3.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học cơ sở ở phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai

Kiểm tra, đánh giá là cơ sở quan trọng cho đổi mới nâng cao chất lượng HĐTN, HN. Thực trạng này được quan tâm khảo sát và kết quả trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5. Mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở

Nội dung	CBQL		GV		HS	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng tiêu chuẩn, công cụ đánh giá	3,73	0,55	3,74	0,60	4,05	0,56
Tổ chức kiểm tra, đánh giá HĐTN, HN	3,64	0,52	3,75	0,64	3,98	0,68
Đổi mới phương pháp, kênh đánh giá HĐTN, HN	3,15	0,59	3,35	0,69	3,88	0,71
Phản hồi, tạo động lực phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh	3,00	0,71	3,01	0,74	3,68	0,83
ĐTB chung	3,38		3,46		3,90	

Theo kết quả khảo sát trên, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN, HN nhìn chung đạt mức khá. ĐTB chung của HS đạt cao nhất là 3.90, tiếp theo là GV đạt 3,46 và CBQL đạt 3,38. Trong đó, ĐTB về "Xây dựng tiêu chuẩn, công cụ đánh giá" được HS đánh giá cao nhất là 4.05, CBQL là 3,73 và GV là 3,74. GV lại đánh giá việc trực tiếp "Tổ chức kiểm tra, đánh giá..." đạt kết quả thực trạng với ĐTB là 3,75. Điểm nghẽn lớn nhất nằm ở nội dung "Phản hồi, tạo động lực phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh" đồng loạt bị cả ba nhóm khách thể đánh giá thấp nhất với ĐTB lần lượt là: CBQL đạt 3,00; GV đạt 3,01 và HS đạt 3.68. Theo ý kiến phỏng vấn của GV 03, CBQL 03: Thật sự hiện nay nhà trường tập trung tổ chức HĐTN, HN theo chương trình quy định, còn khâu đánh giá hiện nay chưa chú trọng thực hiện, đặc biệt là trong khâu phản hồi, tạo động lực khó có thời gian, tâm sức thực hiện việc này. HS 02,03 cho rằng GV quan tâm nhiều các em hoạt động, đôi khi GV ít quan tâm đánh giá cụ thể kết quả, khắc phục hạn chế, có động lực phát huy bản thân. Qua dự giờ, quan sát thực tế chúng tôi nhận thấy, đa số GV hiện nay tổ chức cho HS trải nghiệm, đánh giá chung chung, chưa nhận xét, sửa lỗi cụ thể cho HS, tạo động lực thật sự cho HS phát huy, khắc phục. Những phân tích thực trạng phần nào cho thấy kiểm tra, đánh giá HĐTN, HN đã đạt mức khá, song vẫn còn tồn tại những hạn chế, đặc biệt ở khâu đổi mới phương pháp và phản hồi sau đánh giá. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đổi mới, nâng cao kiểm tra, đánh giá cho HĐTN, HN.

4. Kết luận

Theo kết quả nghiên cứu HĐTN, HN ở các trường THCS tại phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai đã được quan tâm thực hiện, phát huy đồng bộ tất cả các thành tố hoạt động, đa số đều đạt mức khá việc thực hiện các mục tiêu, nội dung, sử dụng các phương thức, phương tiện, kiểm tra, đánh giá. Cụ thể các mục hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách, năng lực thích ứng với cuộc sống cho HS; nội dung hoạt động hướng vào bản thân và hướng đến tự nhiên; các phương thức tổ chức hoạt động như khám phá, thể nghiệm và tương tác; cơ sở vật chất, không gian tổ chức hoạt động và ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức HĐTN, HN. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số yếu tố, khía cạnh của HĐTN, HN còn hạn chế, chưa đạt kết quả như mong muốn. Năng lực thiết kế, tổ chức hoạt động và năng lực nghiên cứu của HS còn hạn chế; phương thức công hiến và nghiên cứu chưa được phát huy hiệu quả. Học liệu HĐTN, HN còn thiếu đồng bộ; việc phản hồi, tạo động lực cho HS sau đánh giá chưa được chú trọng đúng mức. Vì vậy để nâng cao hiệu quả HĐTN, HN cần tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực GV, đổi mới đồng bộ, toàn diện hơn các phương thức tổ chức, đầu tư điều kiện, phương tiện, đặc biệt huy động phát huy vai trò chủ thể tích cực của GV, HS và lực lượng giáo dục gia đình và xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026*.
- Bùi, T. T. H. (2023). Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học cơ sở. *Tap chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, 02(38), 78-84. Truy cập từ <https://tapchikhqlgd.edu.vn/wp-content/uploads/2023/12/10-Bui-Thi-Thu-Huong.pdf>
- Dewey, J. (1938). *Experience and education*. New York, NY: Macmillan.
- Huỳnh, M. T. (2019). Giáo dục lịch sử địa phương qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học tỉnh Kiên Giang. *Tap chí Giáo dục*, (số đặc biệt tháng 5), 208-210.
- Huỳnh, M. T., & Trần, V. C. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(03S), 231-238. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.03S.2025.1630>

- Koontz, H., & Weihrich, H. (2010). *Essentials of management: An international perspective* (8th ed.). New Delhi, India: Tata McGraw-Hill Education.
- Lê, K. A. (2022). *Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở ở thành phố Hà Nội theo tiếp cận năng lực*. Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê, X. Q. Hoàng, L. H., Vũ, Đ. C., Nguyễn, H. N., Nguyễn, T. T. A., & Võ, T. H. N. (2015). Integrated science, technology, engineering and mathematics (STEM) education through active experience of designing technical toys in Vietnamese schools. *British Journal of Education, Society & Behavioural Science*, 11(2), 1-12. <https://doi.org/10.9734/BJESBS/2015/19429>
- Nguyễn, T. M. L, Đinh, T. K. T. & Bùi, T. T. H. (2010). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai. (2025). *Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026*.
- Trần, T. T. (2024). Đề xuất một số chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, (83), 42–52. Truy cập từ <https://vjol.info.vn/index.php/otn/article/view/103465>